

TUẦN 4**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM****Đại hội Chi đội phiên trừ bị (tiết 10)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Tổng kết công tác Đội 2023 – 2024, xây dựng chương trình công tác của chi đội năm học 2024 - 2025
- Bầu ra BCH chi đội mới có đủ năng lực, khả năng và lòng nhiệt tình điều hành các nội dung, phong trào của Chi đội trong năm học 2024 – 2025.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Các văn bản có liên quan.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ổn định tổ chức.
2. Nghi lễ chào cờ.
3. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
4. Bầu đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội.
5. Thông qua chương trình Đại hội.
6. Báo cáo hoạt động chi Đội năm học 2023- 2024.
7. Phương hướng hoạt động chi Đội năm học 2024 – 2025.
8. Thảo luận các chỉ tiêu.
9. Bầu BCH chi đội mới và bầu đại biểu đi dự đại hội đại biểu Liên đội:
10. Bầu ban kiểm phiếu, ban kiểm phiếu lên làm việc.
11. Văn nghệ.
12. Ban chỉ huy Chi đội mới ra mắt.
13. Thư ký tổng kết đại hội.
14. Bế mạc.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

**Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Giải quyết vấn đề nảy sinh
trong mối quan hệ với thầy cô (tiết 11)**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Thông qua hoạt động, HS thể hiện tình cảm yêu quý và lòng biết ơn đối với thầy cô thông qua hoạt động sáng tác về chủ đề Tình thầy trò.
- Có khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- Biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

File bài giảng

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động (3 – 5')

- GV cho HS xem video âm nhạc “Thầy đừng lo”
https://youtu.be/LVwE_yrXZ3Y
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ cảm xúc sau khi xem video. HS khác lắng nghe, nhận xét.
- GV đặt câu hỏi cho HS cả lớp: *Yếu tố nào làm nảy sinh các vấn đề trong mối quan hệ thầy trò?*
- GV mời các HS phát biểu.
- GV nhận xét, ghi nhận đáp án hợp lí:
 - + *Bị thầy cô hiểu lầm.*
 - + *Hiểu lầm về thầy cô...*
- GV tổng kết và dẫn dắt vào bài học: *Chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay nhé – Tuần 4 – Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Giải quyết vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ với thầy cô.*

2. Hoạt động hình thành kiến thức (20 - 25')

Hoạt động 1: Nhận diện các vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ với thầy cô

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nhận diện được một số vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ với thầy cô và đề xuất được cách giải quyết phù hợp cho các vấn đề.

b. Cách tiến hành:

Nhiệm vụ 1: Chia sẻ một số vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ với thầy cô

- GV tổ chức cho HS chia sẻ nhóm (4 – 6 HS) thảo luận về các vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ với thầy cô.
- GV mời một số nhóm HS chia sẻ trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét.
- GV nhận xét, đánh giá, ghi nhận đáp án hợp lí và khen ngợi HS:
 - + *Không thực hiện được nhiệm vụ thầy cô giao.*
 - + *Bị thầy cô hiểu lầm.*
 - + *Hiểu lầm ý thầy cô.*
 - + *Có lời nói, hành động khiến thầy cô buồn...*
- GV cho HS xem video về vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ giữa thầy trò:
https://youtu.be/TT4DojDPz_E (2:50 đến 4:00)
- GV đặt một số câu hỏi cho HS:
 - + Bạn Hoàng trong câu chuyện đã có suy nghĩ gì khi cô Hoa thông báo lựa chọn 3 bạn đi thi bóng đá?
 - + Hoàng đã có phản ứng như thế nào khi không được lựa chọn?
 - + Vì sao Hoàng lại có phản ứng như vậy?
 - + Vấn đề nảy sinh giữa Hoàng và cô Hoa là gì?
- GV mời một số HS trả lời câu hỏi. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).
- GV nhận xét đánh giá, chốt đáp án:
 - + *Hoàng định ninh cô Hoa sẽ chọn mình tham gia đội bóng.*
 - + *Hoàng đã rất tức giận và có lời nói, phản ứng phản bác lại lời cô khi cô không chọn bạn tham gia đội bóng.*
 - + *Hoàng có thái độ, cảm xúc như vậy vì bạn nghĩ cô không quan tâm, đánh giá đúng năng lực của bạn.*
 - + *Vấn đề nảy sinh giữa Hoàng và cô Hoa là sự hiểu lầm.*

Nhiệm vụ 2: Thảo luận đề xuất cách giải quyết phù hợp cho các vấn đề

- GV tổ chức cho HS thảo luận toàn lớp đề xuất cách giải quyết phù hợp cho các vấn đề.
- GV khuyến khích HS mạnh dạn đưa ra ý kiến.
- GV ghi nhận những đáp án hợp lí và ghi vào bảng phụ.
 - + *Trao đổi trực tiếp với thầy cô khi nảy sinh vấn đề.*
 - + *Nhờ người khác hỗ trợ.*
 - + *Đặt mình vào vị trí của thầy cô để thấu hiểu...*
- GV cho HS xem video về cách giải quyết phù hợp vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ thầy cô:
https://youtu.be/TT4DojDPz_E (6:56 đến 9:38 và 10:07 đến 12:12)
- GV đặt một số câu hỏi cho HS:
 - + Hoàng đã làm điều gì khiến cô giáo lo lắng?
 - + Cô đã làm gì khi nghe tin về Hoàng?
 - + Cô đã làm gì để giải quyết những khúc mắc của Hoàng?

- + Hoàng đã nhận ra điều gì sau khi nghe cô giải thích?
- + Cô và Hoàng đã dùng cách nào để giải quyết vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ thầy trò?
- GV mời 3 - 4 HS trả lời câu hỏi. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có)
- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án:
- + *Cô đã quyết định chạy xe đi tìm kiến Hoàng khi nghe tin Hoàng chưa về nhà từ bố mẹ bạn.*
- + *Dù đang phải nằm viện nhưng cô vẫn quyết định ra ngoài tìm Hoàng.*
- + *Để giải quyết khúc mắc trong lòng Hoàng cô đã giải thích cho Hoàng hiểu về những hành động của cô đối với Hoàng là sự quan tâm nhưng do cô chưa thể hiện đúng cách.*
- + *Hoàng đã nhận ra hành động của cô thực chất thể hiện tấm lòng, sự quan tâm đặc biệt dành cho em.*
- + *Cô đã lựa chọn cách trao đổi trực tiếp với Hoàng để giải quyết vấn đề. Hoàng đã lựa chọn cách lắng nghe, đặt mình vào vị trí của cô để thấu hiểu.*
- GV nhận xét, kết luận: Trong hoạt động học tập và giao tiếp hằng ngày, các em có thể nảy sinh một số vấn đề trong mối quan hệ với thầy cô giáo. Khi có vấn đề nảy sinh, các em hãy trực tiếp trao đổi với thầy cô giáo; bày tỏ suy nghĩ, trình bày vấn đề một cách trung thực rõ ràng... để cùng thầy cô giải quyết vấn đề khi gặp phải.

Hoạt động 2: Thực hành giải quyết các vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ với thầy cô

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS giải quyết các vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ với thầy cô

b. Cách tiến hành:

Nhiệm vụ 1: Thuyết trình hoặc đóng vai thực hành giải quyết các vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ với thầy cô

- GV chia lớp thành các đội chơi và phổ biến nội dung hoạt động:



- + Mỗi lượt chơi gồm 2 đội chơi.

- + Mỗi đội đưa ra 1 tình huống là vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ với thầy cô. Đội còn lại thảo luận trong thời gian 2 phút để đưa ra cách xử lý của đội mình. Đội chơi có thể thuyết trình hoặc đóng vai thể hiện cách xử lý.
- GV tổ chức cho các đội lần lượt lên đưa ra tình huống cho đội bạn và xử lý tình huống đội bạn đưa cho đội mình.
- GV mời đội ra tình huống nhận xét về phần xử lý tình huống của đội bạn và nêu cách xử lý của đội mình (nếu khác với cách xử lý của đội bạn).
- GV nhận xét và tổ chức cho HS bình chọn đội có phần xử lý hay hơn.

Nhiệm vụ 2: Rút ra bài học về cách giải quyết vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ với thầy cô

- GV đặt câu hỏi mở rộng cho HS cả lớp:
 - + *Em hãy chia sẻ cảm xúc khi tham gia thực hành giải quyết các vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ với thầy cô.*
 - + *Em rút ra được bài học nào sau khi gia thực hành giải quyết các vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ với thầy cô?*
- GV mời một số HS trả lời. HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến (nếu có).
- GV nhận xét đánh giá, ghi nhận đáp án hợp lý.
- GV kết luận: *Trong cuộc sống hằng ngày, các em không thể tránh khỏi gặp những vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ với thầy cô. Điều quan trọng là các em cần bình tĩnh tìm cách phù hợp để giải quyết các vấn đề nảy sinh đó, không làm ảnh hưởng đến tình cảm thầy trò.*

3. Hoạt động: Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

Trò chơi đồ bạn!

Câu 1: Học sinh có mối quan hệ tốt với thầy cô, bạn bè là người như thế nào?

- A. Có thành tích học tập tốt hơn các bạn khác.
- B. Có kỹ năng giao tiếp, hướng ngoại.
- C. Có những khó khăn nhất định trong cuộc sống.
- D. Có sức khỏe và được giao nhiệm vụ của lớp.

Câu 2: Đâu không phải là cách để giữ gìn tình thầy trò ?

- A. Thường xuyên trò chuyện với thầy cô.
- B. Phản ứng gay gắt khi thầy cô không làm những gì mình muốn.
- C. Luôn hoàn thành các nhiệm vụ học tập mà thầy cô giao cho.
- D. Vâng lời thầy cô.

Câu 3: Câu ca dao, tục ngữ nào dưới đây nói về chủ đề thầy trò?

- A. Thấy có thóc mới cho vay gạo.
- B. Sông có khúc, người có lúc.
- C. Tiên học lễ, hậu học văn.
- D. Thương người như thể thương thân.

Câu 4: Đâu là vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ với thầy cô?

- A. Hoàn thành nhiệm vụ thầy cô giao.

B. Chủ động giải thích, trình bày suy nghĩ một cách lễ phép.

C. Quan tâm đến cảm xúc của thầy cô.

D. Không thành thật trong lời nói với thầy cô.

Câu 5: Đây là cách để giải quyết vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ thầy trò?

A. Thảo luận trực tiếp với thầy cô.

B. Nhanh chóng đưa ra lí do cho hành vi của mình.

C. Nhờ tới sự can thiệp của phụ huynh.

D. Giữ im lặng khi thầy cô hỏi han..

- GV mời 2 -3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét.

- GV nhận xét, chốt đáp án:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	B	B	C	D	A

- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Đại hội Chi đội phiên chính thức (tiết 12)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Tổng kết công tác Đội 2023 – 2024, xây dựng chương trình công tác của chi đội năm học 2024 - 2025

- Bầu ra BCH chi đội mới có đủ năng lực, khả năng và lòng nhiệt tình điều hành các nội dung, phong trào của Chi đội trong năm học 2024 – 2025.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Các văn bản có liên quan.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ổn định tổ chức.

2. Nghi lễ chào cờ.

3. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

4. Bầu đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội.

5. Thông qua chương trình Đại hội.

6. Báo cáo hoạt động chi Đội năm học 2023- 2024.

7. Phương hướng hoạt động chi Đội năm học 2024 – 2025.

8. Thảo luận các chỉ tiêu.
9. Bầu BCH chi đội mới và bầu đại biểu đi dự đại hội đại biểu Liên đội:
10. Bầu ban kiểm phiếu, ban kiểm phiếu lên làm việc. (nếu có)
11. Văn nghệ. (nếu có)
12. Ban chỉ huy Chi đội mới ra mắt.
13. Thư ký tổng kết đại hội.
14. Bế mạc.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

BÀI 2: NHÀ SÁNG CHẾ (TIẾT 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được vai trò của sáng chế trong đời sống và sự phát triển của công nghệ.
- Tóm tắt được thông tin về một số nhà sáng chế nổi bật trong lịch sử loài người.
- Nêu được lịch sử sáng chế ra sản phẩm công nghệ tiêu biểu.
- Nêu được một số đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng, Tranh ảnh, hình vẽ các sáng chế có trong bài học.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi khởi động:
 - + GV sẽ đưa chai nước cho một HS bất kì trong lớp và bật nhạc, khi tiếng nhạc vang lên, HS sẽ lập tức truyền chai nước ấy cho một HS khác kế bên (có thể là ở bên cạnh hoặc ở trên/dưới).
 - + Cứ thực hiện như thế cho đến khi không còn tiếng nhạc, HS nào giữ chai nước sẽ phải đứng lên kể tên 2 sáng chế có trong cuộc sống mà em biết.
- Sau khi có 4 – 5 HS đứng lên kể tên các sáng chế, GV đặt câu hỏi: *Vậy các em có*

biết ai là người làm ra các sáng chế ấy không?

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Các nhà sáng chế là người tạo ra các sáng chế, giúp cho cuộc sống chúng ta tiện nghi và văn minh hơn. Để biết thông tin về một số nhà sáng chế tiêu biểu trong lịch sử chúng ta sẽ tìm hiểu bài học hôm nay **Bài 2 – Nhà sáng chế – Tiết 2**.

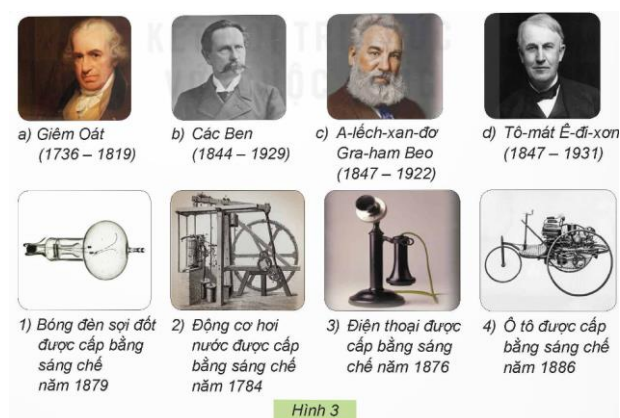
2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức (8 – 10')

2.1. Một số nhà sáng chế tiêu biểu trong lịch sử

Hoạt động khám phá 1

- GV yêu cầu HS:

Quan sát Hình 3, ghép tên nhà sáng chế và sáng chế của họ cho phù hợp.



- 3 HS nói tên các nhà sáng chế với sáng chế của họ. Các HS khác lắng nghe và nhận xét.

- GV nhận xét và chốt đáp án.

- GV chia lớp thành 4 tổ.

- GV phát phiếu học tập, phân công HS trong mỗi tổ sẽ hoàn thành tiểu sử của 1 nhà sáng chế trong 5 phút:

+ Tổ 1 – Giêm Oát.

+ Tổ 2 – Tô-mát Ê-đi-xon.

+ Tổ 3 – A-lếch-xan-đơ Gra-ham-beo.

+ Tổ 4 – Các Ben.

- Sau 5 phút, GV mời đại diện mỗi tổ 1 bạn lên trình bày kết quả, mỗi HS sẽ có 2 phút trình bày.

- GV nhận xét, chốt lại đáp án.

Hoạt động khám phá 3

- GV: Vậy là vừa rồi chúng ta vừa được học về 4 nhà sáng chế tiêu biểu lần lượt là Giêm Oát, Tô-Mát Ê-đi-xơn, A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo và Các Ben. Để kiểm tra xem các em có thể ghi nhớ được chính xác các sáng chế tiêu biểu với năm họ được cấp bằng sáng chế tiêu biểu với năm họ được cấp bằng sáng chế hay không thì các em hãy nhanh chóng hoàn thiện bài tập số 2 trong phiếu học tập nhé!

- Sau 3 phút, GV cho HS đôi chéo bài với bạn bên cạnh để chấm chéo.

***GV kết luận:** Trong lịch sử, có một số nhà sáng chế tiêu biểu góp phần thay đổi xã hội loài người với các sáng chế của họ. Có thể kể đến như: Giêm Oát với động cơ hơi nước (1784), A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo với điện thoại (1876), Tô-mát Ê-đi-xơn với bóng đèn sợi đốt (1879), Các Ben với ô tô (1886),...

2.2. Đức tính cần có của nhà sáng chế

- HS thảo luận nhóm đôi thực hiện:

Lựa chọn những thẻ mô tả đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế trong các thẻ dưới đây.





- GV mời đại diện 1 HS trình bày. Các HS khác lắng nghe và nhận xét.

***GV kết luận:** Nhà sáng chế thường có những đức tính như: ham tìm tòi, học hỏi, tò mò khoa học, chịu khó quan sát, có sự kiên trì, nhẫn nại, không ngại khó khăn, vất vả, không sợ thất bại,...

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (10 – 15')

- GV chia lớp thành 4 nhóm, phát cho mỗi nhóm một bộ thẻ các đáp án (A, B, C, D). GV tổ chức cho HS chơi trò *trắc nghiệm*.

- GV nêu luật chơi:

+ GV chiếu câu hỏi, sau khi GV đọc xong câu hỏi, GV chiếu các đáp án.

+ Theo hiệu lệnh của GV, đại diện các nhóm lần lượt giơ thẻ đáp án của nhóm mình.

+ Nhóm nào trả lời được nhiều đáp án đúng nhất sẽ chiến thắng.

- GV mời cả cả lớp cùng tham gia trò chơi:

Câu 1: Sáng chế trong hình dưới đây có vai trò gì?



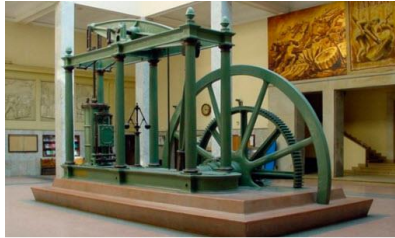
A. Là nền tảng tạo ra các loại máy móc.

B. Giúp chiếu sáng.

C. Giúp con người có thể nói chuyện với nhau dù ở cách xa nhau.

D. Giúp con người di chuyển một quãng đường rất xa.

Câu 2: Sáng chế trong hình dưới đây có vai trò gì?



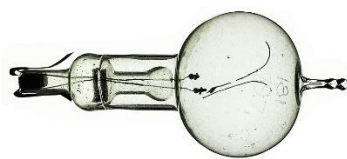
- A. Là nền tảng tạo ra các loại máy móc.
- B. Giúp chiếu sáng.
- C. Giúp con người có thể nói chuyện với nhau dù ở cách xa nhau.
- D. Giúp con người di chuyển một quãng đường rất xa.

Câu 3: Sáng chế trong hình dưới đây có vai trò gì?



- A. Là nền tảng tạo ra các loại máy móc.
- B. Giúp chiếu sáng.
- C. Giúp con người có thể nói chuyện với nhau dù ở cách xa nhau.
- D. Giúp con người di chuyển một quãng đường rất xa.

Câu 4: Sáng chế trong hình dưới đây của nhà sáng chế nào?



- A. Tô-mát Ê-đi-xon.
- B. Các Ben.
- C. Giêm Oát.
- D. A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo.

Câu 5: Sáng chế trong hình dưới đây của nhà sáng chế nào?



A. Các Beo.

B. A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo.

C. Giêm Oát.

D. Tô-mát Ê-di-xon.

- Kết thúc trò chơi, GV nhận xét chung, công bố nhóm chiến thắng và tuyên dương.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5’)

- GV giao nhiệm vụ cho HS: *Viết 1 đoạn văn giới thiệu hoặc vẽ sơ đồ tư duy về nhà sáng chế mà em yêu thích. Dựa trên các gợi ý sau:*

+ *Họ và tên.*

+ *Năm sinh – năm mất.*

+ *Nghề nghiệp.*

+ *Quốc tịch.*

+ *Quá trình sáng chế.*

+ *Sáng chế tiêu biểu (ảnh hưởng của nó tới đời sống và sự phát triển của công nghệ).*

- GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành bài tập, GV sẽ kiểm tra vào tiết học sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

BÀI 1: EM BIẾT ON NHỮNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC (Tiết 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Kể được tên và đóng góp của những người có công với quê hương, đất nước.
- Biết vì sao phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước

- Thể hiện được lòng biết ơn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.
- Nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV mời cả lớp hát và vỗ tay theo bài hát “Nơi đảo xa”
- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Cảm xúc của em như thế nào khi nghe hoặc hát bài hát trên?*
- GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).
- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án
- GV dẫn dắt HS vào bài học

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (23-25')

Bài tập 2: Đưa ra ý kiến

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, đọc yêu cầu bài tập 2 và trả lời câu hỏi: *Em đồng tình hoặc không đồng tình với ý kiến của bạn nào? Vì sao?*
- GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét, đánh giá và kết luận:
 - a. *Đồng tình vì việc chăm sóc người thân của liệt sĩ chính là việc làm thể hiện lòng biết ơn đối với người có công với quê hương, đất nước.*
 - b. *Đồng tình vì việc trở thành một công dân có ích cho xã hội, mang lại vinh quang về cho tổ quốc thông qua việc trở thành vận động viên cầu lông.*
 - c. *Đồng tình vì việc giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc và truyền bá đến thế giới cũng là việc thể hiện sự biết ơn đối với những người nghệ nhân tạo nên nét đẹp cho đất nước.*
 - d. *Đồng tình vì việc giới thiệu về danh nhân văn hóa thế giới của nước nhà thể hiện sự hiểu biết và ngưỡng mộ đối với người đó.*

Bài tập 3: Xử lý tình huống

- GV chia HS thành 3 nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm:

+ Nhóm 1: Đọc và xử lý tình huống 1.

Trong buổi thảo luận về chủ đề Thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước, Nam cho rằng, học sinh cần chăm chỉ học tập, rèn đức luyện tài để trở thành người giúp ích cho đất nước. Nga thì cho rằng, học sinh còn nhỏ nên chỉ cần trân trọng, ghi ơn những người tham gia chống giặc ngoại xâm là đủ. Nếu là thành viên của lớp, em sẽ đưa ra ý kiến của mình như thế nào?

+ Nhóm 2: Đọc và xử lý tình huống 2.

Mẹ của Lam là giáo viên xung phong đi giảng dạy ở vùng hải đảo. Lam ở nhà với bà. Các bạn trong lớp đều rất cảm phục và muốn giúp đỡ Lam, nhưng chưa biết phải làm thế nào. Nếu là thành viên của lớp, em sẽ đề xuất cách gì để giúp đỡ Lam?

+ Nhóm 3: Đọc và xử lý tình huống 3.

Nhân kỉ niệm ngày Giải phóng miền Nam, cô giáo lên kế hoạch tổ chức đến thăm và tặng quà cho các gia đình thương binh, liệt sĩ ở địa phương. Các bạn đều rất nhiệt tình, riêng Long không tham gia vì bạn đi đá bóng. Nếu là bạn cùng lớp với Long, em sẽ nói gì với Long?

- GV khuyến khích HS xây dựng kịch bản, đóng vai và xử lý tình huống.

- GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi tình huống của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, đặt câu hỏi cho nhóm bạn (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận:

+ Tình huống 1: Em nêu ra sự đồng tình với ý kiến của cả hai bạn tuy nhiên hai bạn cần thay đổi ý kiến của bản thân. Vừa phải tích cực rèn luyện để trở thành người có ích đồng thời luôn trân trọng, ghi ơn những người có công chống giặc ngoại xâm.

+ Tình huống 2: Các bạn nên giải thích cho Lam hiểu việc mẹ Lam đang làm là công việc vô cùng thiêng liêng, đáng trân trọng, không chỉ thể hiện lòng biết ơn đối với thế hệ trước mà còn là tấm gương sáng cho thế hệ sau. Các bạn nên động viên, giúp đỡ Lam trong học tập cũng như trong cuộc sống thường ngày để bạn tự hào về mẹ và cố hơn mỗi ngày.

+ Tình huống 3: Các bạn nên giải thích cho Long về ngày kỉ niệm quan trọng này

thể hiện sự tri ân, kỉ niệm thành công, chiến thắng của dân tộc bằng sự hy sinh của cha anh. Đi đá bóng có thể có rất nhiều cơ hội nhưng ngày này trong năm chỉ diễn ra một lần.

2. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (2 – 3')

- GV hướng dẫn các nhóm sưu tầm hình ảnh và đóng góp của một người có công với quê hương đất nước mà em biết.

- GV gợi ý cho HS một số sản phẩm:

+ Viết đoạn văn.

+ Vẽ tranh.

+ Thiết kế poster...

- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

KHOA HỌC

Bài 3: HỖN HỢP VÀ DUNG DỊCH (TIẾT 7)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được ý nghĩa của một số việc làm để bảo vệ môi trường đất. Kể được việc làm để bảo vệ môi trường đất.

- Nêu được một số việc làm để thực hiện và vận động những người xung quanh cùng tham gia bảo vệ môi trường đất.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Siêu đầu bếp nhí”:

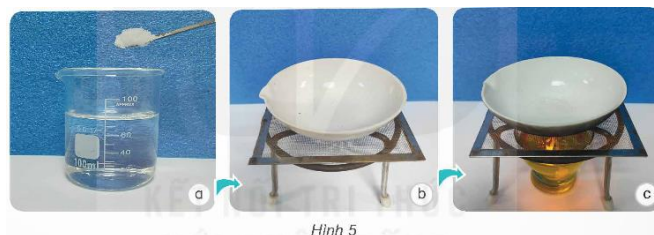
+ GV đưa ra tên một số món ăn, thức uống: nước cam có cả tép cam, nước cốt chanh pha nước đường, gia vị muối tiêu, trà sữa chân trâu, nước mắm hòa tan trong nước, mì trộn, cơm rang thập cẩm, salad rau củ, nước muối.

- + GV yêu cầu HS cho biết món nào là dung dịch, món nào là hỗn hợp.
- GV nhận xét, khen ngợi HS tham gia trò chơi.
- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Làm thế nào để tách muối ra khỏi nước biển? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu ở Bài 3 – Hỗn hợp và dung dịch – Tiết 2.*

2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức (8 – 10’)

2.1. Tách muối ra khỏi dung dịch muối

- GV phát dụng cụ thí nghiệm, yêu cầu HS thực hành thí nghiệm *tách muối ra khỏi dung dịch muối* theo nhóm:
- + *Quan sát hình 5.*



- + *Tiến hành làm thí nghiệm theo các bước trong SGK. Ghi chép dự đoán hiện tượng xảy ra với dung dịch muối khi đun; hiện tượng xảy ra khi đun dung dịch muối và so sánh với dự đoán ban đầu.*
- + *Hoàn thành phiếu thí nghiệm.*
- GV quan sát, hướng dẫn, góp ý với từng nhóm để hoàn thiện phiếu thí nghiệm của nhóm mình.
- GV mời đại diện các nhóm lần lượt báo cáo kết quả tách muối ra khỏi dung dịch. GV nhận xét.
- GV chốt kiến thức: ***Có thể tách muối ra khỏi dung dịch muối bằng phương pháp cô cạn.***

3. Hoạt động luyện tập thực hành (10 – 15’)

- GV chia lớp thành 4 nhóm, phát cho mỗi nhóm một bộ thẻ các đáp án (A, B, C, D). GV tổ chức cho HS chơi trò *trắc nghiệm*.
- GV nêu luật chơi:
- + *GV chiếu câu hỏi, sau khi GV đọc xong câu hỏi, GV chiếu các đáp án.*
- + *Theo hiệu lệnh của GV, đại diện các nhóm lần lượt giơ thẻ đáp án của nhóm mình.*

+ Nhóm nào trả lời được nhiều đáp án đúng nhất sẽ chiến thắng.

- GV mời cả cả lớp cùng tham gia trò chơi:

Câu 1: Mỗi chất trong hỗn hợp có đặc điểm như thế nào?

- A. Giữ nguyên tính chất.
- B. Thay đổi tính chất.
- C. Thay đổi hình dạng.
- D. Thay đổi màu sắc.

Câu 2: Hỗn hợp nào dưới đây là dung dịch?

- A. Hỗn hợp dầu và nước đã khuấy đều để sau vài phút.
- B. Hỗn hợp đường và nước đã khuấy đều để sau vài phút.
- C. Hỗn hợp đất và nước đã khuấy đều để sau vài phút.
- D. Hỗn hợp cát và nước đã khuấy đều để sau vài phút.

Câu 3: Chất nào dưới đây hòa tan trong nước?

- A. Dầu.
- B. Nhôm.
- C. Sắt.
- D. Đường.

Câu 4: Hỗn hợp nào trong hình dưới đây là dung dịch?



Câu 5: Hỗn hợp nào trong hình dưới đây là dung dịch?





C.



D.

- Kết thúc trò chơi, GV nhận xét chung, công bố nhóm chiến thắng và tuyên dương.
- GV hướng dẫn HS làm bài tập 7, 8 trang 12 VBT và kết hợp chấm chữa bài.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi:

Nói với bạn cách tách muối ra khỏi dung dịch muối.

- GV mời 1 – 2 HS nêu lại cách tách muối ra khỏi dung dịch muối trước lớp.

Người dân ở vùng ven biển làm cách nào để sản xuất muối từ nước biển?

- GV cho HS xem video về quy trình sản xuất muối biển.

***GV kết luận: Muối được làm ra từ nước biển trong tự nhiên.**

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

KHOA HỌC

CHỦ ĐỀ 1: CHẤT

Bài 4: ĐẶC ĐIỂM CỦA CHẤT Ở TRẠNG THÁI RẮN, LỎNG, KHÍ.

SỰ BIẾN ĐỔI TRẠNG THÁI CỦA CHẤT (TIẾT 8)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- HS quan sát bức tranh mở đầu trong SGK (Hình 1) kết hợp cho HS xem video “Chú quạ thông minh”.
- + GV tổ chức cho HS chia sẻ về hiểu biết của mình qua câu hỏi:

+ Theo em, con quạ có thể uống nước được không?

+ Vì sao?

- GV mời một số học sinh chia sẻ.



- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới:

Nhờ có viên sỏi mà quạ đã uống được nước. Viên sỏi tồn tại ở dạng rắn và không bị tan trong nước. Vậy đặc điểm của chất ở các trạng thái khác nhau như rắn, lỏng, khí sẽ như thế nào? Hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài học “Đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí. Sự biến đổi trạng thái của chất”.

2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức (8 – 10’)

2.1. Phân biệt ba trạng thái của chất.

- GV yêu cầu HS đọc thông tin, thảo luận nhóm 4:

Sắp xếp các chất: muối ăn, hơi nước, nhôm, ni-tơ, nước uống, dầu ăn, giấm ăn, ô-xi, thủy tinh (ở nhiệt độ bình thường) vào vị trí thích hợp theo bảng gợi ý dưới đây.

Trạng thái rắn	Trạng thái lỏng	Trạng thái khí
?	?	?

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV cho HS thi kể thêm các chất tồn tại ở ba thể rắn, lỏng, khí.

- GV kết luận: **Các chất có thể tồn tại ở ba thể: lỏng thể rắn, thể khí.**

- GV nhận xét, tuyên dương.

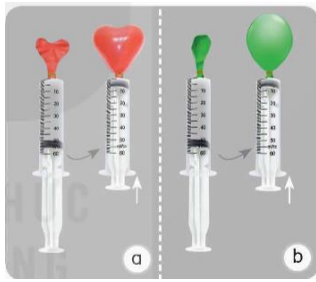
a. Đặc điểm cơ bản của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí.

- GV tổ chức GV chia lớp thành 6 nhóm chuyên gia, tổ chức dạy học theo trạm: Ở

mỗi trạm, HS quan sát hình để trả lời câu hỏi và ghi kết quả theo mẫu bảng gợi ý.

Nhóm 1 và nhóm 4:

+ HS quan sát phần không khí trong bơm tiêm và trong bóng bay ở hình 2 để trả lời

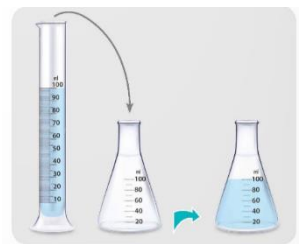


câu hỏi: *Chất ở trạng thái khí có hình dạng xác định hay có hình dạng của vật chứa nó?*

+ HS tiếp tục quan sát vị trí của ruột bơm tiêm ở hình 3 để trả lời câu hỏi: *Chất ở trạng thái khí chiếm khoảng không gian xác định hay không xác định?*

Nhóm 2 và nhóm 5:

+ HS quan sát hình dạng của nước khi thay đổi vật chứa ở hình 4 để trả lời câu hỏi: *Chất ở trạng thái lỏng có hình dạng xác định hay có hình dạng của vật chứa nó?*



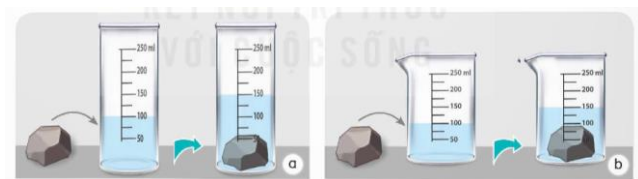
+ HS tiếp tục quan sát để so sánh số mi-li-lít nước trong ống đong và bình tam giác ở hình 4 để trả lời câu hỏi: *Chất ở trạng thái lỏng chiếm khoảng không gian xác định hay không xác định?*

Nhóm 3 và nhóm 6:

+ HS đọc thông tin, quan sát hình 5 để nhận xét đặc điểm về hình dạng của chất ở trạng thái rắn.



+ HS tiếp tục quan sát mức nước trước và sau khi thả viên đá ở hình 6 và trả lời câu hỏi: *Chất ở trạng thái rắn chiếm khoảng không gian xác định hay không xác định?*



- GV yêu cầu các nhóm 1, 2, 3 và 4, 5, 6 di chuyển tạo thành các nhóm mới có đủ các nội dung thảo luận từ nhóm chuyên gia và trình bày trong nhóm mới.
- GV mời đại diện 1 nhóm lên trình bày, các nhóm khác nghe, nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương và kết luận:

Trạng thái	Hình dạng	Chiếm khoảng không
------------	-----------	--------------------

		gian
Khí	Không xác định và có hình dạng của vật chứa	Không xác định
Lỏng		Xác định
Rắn	Xác định	Xác định

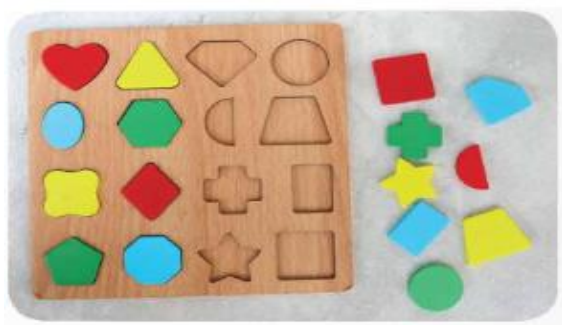
3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (10 – 15’)

3.1. Hoạt động trò chơi: “Nhà tớ ở đâu?”

- GV tổ chức trò chơi “Nhà tớ ở đâu?”

- Luật chơi:

GV tổ chức cho HS chơi trò chơi tìm hình để đưa mảnh ghép vào.



- Người ta đã vận dụng đặc điểm nào của chất ở trạng thái rắn trong trò chơi xếp hình ở hình 7?

- GV nhận xét, khen ngợi HS có câu trả lời tốt.

3.2. Phản hồi thông tin

- GV yêu cầu cá nhân HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:

Con qua trong hoạt động mở đầu đã làm gì để nước dâng lên trong bình? Lượng nước dâng lên thể hiện rõ đặc điểm nào của chất ở trạng thái rắn?

- GV mời 1 HS trả lời, các HS khác chú ý lắng nghe để nhận xét và bổ sung.

- GV nhận xét, chốt kiến thức: ***Trong cuộc sống có rất nhiều tình huống cần dựa vào đặc điểm của chất để giải quyết vấn đề.***

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5’)

- GV mời HS chia sẻ về một số vật chất xung quanh trong lớp và cho biết chất đó tồn tại ở thể nào?

- GV nhận xét tuyên dương.

- Nhận xét sau tiết dạy.
- Dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

BÀI 8: ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (TIẾT 16)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS chuyển đổi được các đơn vị đo thời gian; xác định được các đường thẳng song song, vuông góc trong đời sống; Thực hiện được vẽ trang trí bằng cách áp dụng cách vẽ các đường thẳng song song, vuông góc, giải quyết được các bài toán hình học về diện tích hình chữ nhật.
- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá, năng lực giải quyết vấn đề.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

+ Câu 1: Số

$$7 \text{ yến} = \dots \text{ kg}$$

+ Câu 2: Số : 8 tạ = ... yến

+ Câu 3: Tính: $\frac{1}{2} : 5$

+ Câu 4: Hình chữ nhật biết chiều dài là $\frac{12}{10} \text{ m}$ và chiều rộng là $\frac{9}{10} \text{ m}$. Diện tích

hình chữ nhật là m

- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới

2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4 (Trang 27, 28/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1.

- GV giới thiệu bài tập và hướng dẫn bài mẫu.
- HS làm việc cá nhân.
- HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

Bài 2.

- HS nêu yêu cầu đề bài
- HS mô tả hình ảnh và cho biết các đường thẳng trong hình đó là vuông góc hay song song.
- HS tìm các hình ảnh thực tế trong lớp học có các đường thẳng song song, vuông góc.
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 3.

- GV cho HS quan sát hình vẽ (Chiếu lên bảng). Nêu một số đặc điểm đặc biệt của hình vẽ. Sau đó cho HS nêu yêu cầu đề bài và thực hiện vẽ vào vở
- GV khuyến khích HS vẽ khác SGK.
- GV chấm, nhận xét.
- GV nhận xét, tuyên dương.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

Bài 4.

- 1 HS đọc yêu cầu bài.
- HS làm bài vào vở, GV quan sát, hỗ trợ
- GV lên trình bày bài giải

- GV cho HS nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN

Bài 9: LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 17)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS nhận biết được giá trị của chữ số theo vị trí trong số tự nhiên
- HS viết được phân số thập phân dưới dạng hỗn số; xác định được số lớn nhất trong 4 số tự nhiên, phân số bé nhất trong bốn phân số đã cho.
- Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số tự nhiên;
- Giải bài toán thực tế có đến bốn bước tính.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học: “Ai nhanh, ai đúng”, GV đưa ra một số PS và yêu cầu HS tìm PS mới bằng PS đã cho.

VD: $\frac{42}{100}, \frac{25}{50}, \frac{4}{8}, \dots$

- Nhận xét, tuyên dương.
- Qua trò chơi, các em được ôn tập nội dung gì ?
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25’)

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4 (Trang 29, 30/SGK), GV hướng dẫn HS kết

hợp chăm chữa bài.

Bài 1.

- 1 HS đọc yêu cầu bài.
- HS làm việc cá nhân đọc và trả lời nhanh
- HS trả lời.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2.

- 1 HS đọc yêu cầu bài.
- HS làm vào vở, sau đó 4 em lên bảng lớp làm, cả lớp nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 3.

- 1 HS đọc yêu cầu bài.
- HS làm việc nhóm 4, thực hiện theo yêu cầu đề biết được bài toán có bốn bước tính.
- Đại diện các nhóm trả lời.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')**Bài 4.**

- GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề bài.
- HS trả lời.
- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- *GV kết luận: Củng cố dạng giải bài toán bằng 4 bước tính.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN**BÀI 9: LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 18)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, hai phân số (Mẫu chung là tích hai mẫu số) và phép nhân, chia phân số;
- Tính được giá trị biểu thức có và không có dấu ngoặc với số tự nhiên và phân số;
- Giải được bài toán về tìm số trung bình cộng; viết được số đo đại lượng dưới dạng phân số thập phân.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.
- + Câu 1: Thực hiện phép tính: $4\,755 + 2\,368$
- + Câu 2: Thực hiện phép tính: $9\,871 - 685$
- + Câu 3: Thực hiện phép tính: 356×2
- + Câu 4: Thực hiện phép tính: $768 : 4$
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25’)

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3 (Trang 24/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.
- GV mời lớp làm việc nhóm: Cùng nhau thảo luận và thực hiện các phép tính trên.
- GV mời đại diện các nhóm trả lời.
- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.
- GV cho HS nhắc lại thứ tự thực hiện tính giá trị biểu thức.
- Cho HS làm vở sau 2 em xung phong lên chữa bài, GV cho Hs đổi chéo chấm chữa.

Bài 3.

- GV yêu cầu HS làm bài tập vào vở.
- GV thu bài, chấm và đánh giá kết quả, tuyên dương.

Củng cố: Viết số đo đại lượng dưới dạng phân số thập phân.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')**Bài 4:**

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- Gọi HS tầm tắt
- GV mời cá nhân suy nghĩ và tìm hiểu.
- GV mời HS trả lời.
- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN**Bài 9: LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 16)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Ước lượng được và làm tròn số trong tính toán đơn giản;
- Tính được giá trị biểu thức bằng cách thuận tiện;
- Giải được bài toán thực tế liên quan đến các phép tính với số tự nhiên và phân số.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- Trò chơi: Trả lời nhanh

Câu 1: Làm tròn số đến hàng chục nghìn số sau: 23 456

Câu 2: Tìm phân số thích hợp: $5\text{kg} = \dots$ Yến

Câu 3: Tìm phân số thích hợp: $5\text{kg}600\text{g} = \dots$ Kg

- Qua trò chơi, các em được ôn tập nội dung gì ?
- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25’)

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4 (Trang 31/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.
- HS suy nghĩ sau đó trả lời nối tiếp.
- GV nhận xét, tuyên dương, sửa sai

****GV kết luận: Rèn kĩ năng làm tròn số để ước lượng kết quả phép cộng, phép trừ số tự nhiên.***

Bài 2.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 2, tìm hiểu đề bài
- HS làm việc theo nhóm khai thác bài toán.
- GV mời đại diện các nhóm trả lời.
- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV giúp cho HS hiểu kết quả Bài toán phụ thuộc vào “ năm nay” là năm bao nhiêu?

****GV kết luận: Củng cố kĩ năng giải bài toán gắn với tình huống thực tế.***

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 3.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 3.

- HS làm việc nhóm đôi sau đó trình bày bài giải vào vở.
- HS trả lời.
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

***GV kết luận:** *Củng cố kỹ năng giải bài toán gắn với tình huống thực tế.*

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

Tính bằng cách thuận tiện:

a) $524 \times 63 + 524 \times 37 - 2\,400$

b) $\frac{7}{9} \times \frac{6}{5} + \frac{6}{5} \times \frac{2}{9} + \frac{4}{5}$

- HS tham gia thi đua trả lời nhanh
- HS làm bài tập vào vở.
- GV thu bài, chấm và đánh giá kết quả, tuyên dương.
- GV nhận xét tiết học.
- Dặn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN

CHỦ ĐỀ 2: SỐ THẬP PHÂN

Bài 3: KHÁI NIỆM VỀ SỐ THẬP PHÂN (TIẾT 16)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được số thập phân; đọc, viết, cấu tạo số thập phân; So sánh, thứ tự số thập phân.
- Vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến số thập phân.
- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy, lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.
- + Yêu cầu mỗi nhóm cử đại diện đọc các phân số thập phân có mẫu số là 10
- + Tổ chức cho HS đọc trước lớp
- GV nhận xét.
- .- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức mới (10 – 15’)

- HS đọc tình huống, cả lớp suy nghĩ, HS trình bày theo hiểu biết.
- Rút ra nhận xét.
- HS đọc yêu cầu.
- Nêu kết luận theo em hiểu, đối chiếu sách giáo khoa
- Phân tích HS hiểu: Phần nguyên và phần thập phân số 9,17.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25’)

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4 (Trang 26, 27/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1.

a)

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.
- GV yêu cầu cả lớp làm việc chung.
- Đại diện HS chia sẻ trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung.

b) Đọc các số thập phân 0,4; 0,5; 0,04; 0,05 (theo mẫu).

- HS đọc nối tiếp, lớp theo dõi sửa sai nếu có. HS nhận biết phần nguyên, phần thập phân của số thập phân.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2.

- HS thảo luận nhóm đôi.
- HS chia sẻ trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- HS đọc yêu cầu bài 3. Cả lớp lắng nghe.
- HS làm cá nhân, giải thích cách làm:

Kết quả: $132 \text{ mm} = 13,2 \text{ cm}$

$$165 = 1,65 \text{ m}$$

- 2 HS nêu phần nguyên và phần thập phân của 2 số $13,2 \text{ cm}$ và $1,65 \text{ m}$
- HS nêu thêm số thập phân có trong thực tế
- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN CÙNG CỘ**LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 10, 11)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Ôn tập và củng cố cách đọc, viết các số tự nhiên; phân số; hỗn số.
- Ôn tập và củng cố các phép tính các số tự nhiên; phân số.

Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số tình huống thực tế

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng, phiếu BT.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')**

- GV kiểm tra kiến thức học sinh qua bài tập sau:

Câu nào đúng? Câu nào sai?

a) Kết quả của phép tính $\frac{5}{12} + \frac{1}{5}$ là $\frac{37}{60}$.

b) Viết phân số thập phân $\frac{97}{10}$ thành hỗn số, ta được $7\frac{9}{10}$.

c) Hình bình hành ABCD có hai cặp cạnh vuông góc với nhau.

d) Diện tích lớp học hình chữ nhật có chiều dài 10 m và chiều rộng 60 dm là $60 m^2$.

e) “Hai mươi ba phần một trăm” là phân số thập phân.

g) Giá trị của chữ số 2 trong số 12 034 là 20 000.

- GV cho HS thảo luận cặp đôi

- GV mời đại diện nhóm có kết quả nhanh nhất lên bảng trình bày.

- GV nhận xét, tuyên dương, sau đó dẫn dắt vào bài ôn tập.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (60 – 62')

a. Hoạt động củng cố lý thuyết

- GV thống kê hệ thống các đơn vị kiến thức đã học ở **Chủ đề 1** cho HS:

+ Ôn tập số tự nhiên và các phép tính với số tự nhiên.

+ Ôn tập phân số và các phép tính với phân số.

+ Ôn tập hình học và đo lường.

+ Phân số thập phân.

+ Hỗn số.

- GV chuyển sang nội dung làm bài tập.

b. Hoạt động thực hành, luyện tập

- GV phát Phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS hoàn thành vào phiếu (hoàn thành tại nhà nếu hết thời gian).

+ Tiết 1: Hoàn thành phiếu học tập số 1.

+ Tiết 2: Hoàn thành phiếu học tập số 2.

TIẾT 1

Lớp:.....

Họ và tên:.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

I. Phần trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Số bé nhất trong các số 152 239; 152 293; 125 293; 125 932 là:

- A. 125 293.
- B. 152 239.
- C. 125 932.
- D. 152 293.

Câu 2. Cho các phân số sau $\frac{18}{10}$; $\frac{32}{500}$; $\frac{99}{100}$; $\frac{51}{1\ 000}$. Có phân số thập phân.

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 3. Hỗn số $2\frac{5}{100}$ chuyển thành phân số thập phân là:

- A. $\frac{7}{100}$.
- B. $\frac{207}{100}$.
- C. $\frac{250}{100}$.
- D. $\frac{205}{100}$.

Câu 4: Chọn đáp án *đúng*.

- A. Phân số “năm phần ba mươi hai” viết là $\frac{5}{23}$.
- B. Phân số lớn nhất trong các phân số $\frac{1}{2}$; $\frac{1}{3}$; $\frac{1}{9}$; $\frac{1}{6}$ là $\frac{1}{9}$.
- C. $\frac{12}{55}$ là phân số nghịch đảo của $\frac{55}{12}$.

D. $\frac{17}{101}$ đọc là “một trăm linh một phần mười bảy”.

Câu 5: Hỗn số $2\frac{3}{8}$ có phần nguyên là:

A. 19.

B. 8.

C. 3.

D. 2.

Câu 6: $\frac{1}{15}$ là phần phân số của hỗn số nào dưới đây?

A. $\frac{1}{15}$.

B. $3\frac{15}{2}$.

C. $15\frac{15}{16}$.

D. $16\frac{1}{15}$.

Câu 7: Phân số $\frac{99}{10}$ viết ở dạng hỗn số là:

A. $3\frac{10}{9}$.

B. $3\frac{9}{10}$.

C. $9\frac{9}{10}$.

D. $9\frac{10}{9}$.

Câu 8: Giá trị của chữ số 1 trong số 312 533 690 là:

A. 10 000 000.

B. 1 000 000.

C. 100 000.

D. 100 000 000.

Câu 9. Duy mua một gói bánh giá 42 500 đồng và một hộp ô mai giá 53 000 đồng. Duy đưa cho cô bán hàng 200 000 đồng. Số tiền cô bán hàng phải trả lại cho Duy

là:

- A. 104 500 đồng.
- B. 140 500 đồng.
- C. 95 500 đồng.
- D. 95 000 đồng.

Câu 10: Hai xe tải cùng chở hàng, xe thứ nhất chở được 5 125 kg hàng, xe thứ hai chở được ít hơn xe thứ nhất 129 kg hàng. Cả hai xe chở được:

- A. 5 254 kg hàng.
- B. 10 250 kg hàng.
- C. 10 121 kg hàng.
- D. 10 379 kg hàng.

II. Phần tự luận

Bài 1. Tính bằng cách thuận tiện.

a) $2\,162 \times 63 + 2\,162 \times 37;$

b) $12\,350 \times 117 - 12\,350 \times 107;$

c) $\frac{132}{143} \times \frac{13}{25} + \frac{13}{25};$

d) $\frac{154}{121} : \frac{12}{198} - 1 : \frac{12}{198}.$

e) $2\frac{1}{12} \times \frac{15}{8} - 2\frac{1}{12} \times \frac{9}{56};$

g) $\frac{17}{10} \times \frac{5}{34} : \frac{1}{4}.$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2. Điền hỗn số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 3 kg 250 g = ... kg;

b) 5 tạ 4 yến = ... tạ;

c) 1 dm 50 mm = ... dm;

d) 12 m 60 cm = ... m;

e) 17 cm 3 mm = ... cm;

g) 5 thế kỉ 25 năm = ... thế kỉ.

Bài 3. Nước khoáng thường được đóng chai với dung tích mỗi chai là $\frac{1}{2}$ lít.

- Nếu có 250 lít nước khoáng thì đóng được bao nhiêu chai loại đó?
- Theo khuyến cáo, mỗi người nên uống khoảng 2 lít nước mỗi ngày. Hỏi mỗi người cần uống khoảng bao nhiêu chai nước khoáng loại đó mỗi ngày?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 140dm, chiều rộng 100 dm. Biết rằng cứ 7 dm² thì trồng được 1 cây hoa hồng. Tính số cây hoa hồng cần trồng trên mảnh đất đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5. Cho phép tính sau:

$$? + \left(\frac{6}{25} + \frac{18}{25}\right) \times \frac{1}{2} = \frac{131}{100} \text{ và } \left(? + \frac{1}{20}\right) \times \frac{1}{2} = \frac{53}{100}$$

- Tìm phân số thích hợp điền vào “?”.
- So sánh hai phân số vừa tìm được với 1. Viết phân số lớn hơn một về dạng hỗn số.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

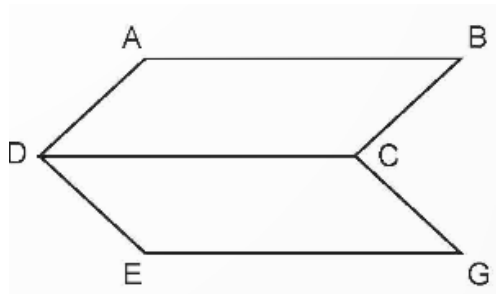
.....

.....

Bài 6. Cho hình bình hành $ABCD$ và $CDEG$. Biết độ dài cạnh AB bằng 4 dm.

a) Tìm độ dài cạnh EG .

b) Kể tên những cạnh song song với cạnh CD .



.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TIẾT 2

Lớp:.....

Họ và tên:.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**I. Phần trắc nghiệm***Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.***Câu 1:** Điền số thích hợp vào chỗ chấm.**999, ..., 1 003,, 1 007**

- A. 1 001 và 1002.
- B. 1 001 và 1 005.
- C. 1 001 và 1 002.
- D. 1 005 và 1 006.

Câu 2: Tính giá trị biểu thức $700\,800 - 12\,300 \times 3$.

- A. 663 000.
- B. 336 900.
- C. 663 900.
- D. 636 900.

Câu 3: Kết quả của phép tính $\left(\frac{95}{99} : \frac{3}{4}\right) \times \frac{297}{380}$ là:

- A. $\frac{3}{4}$.
- B. $\frac{1}{4}$.
- C. $\frac{1}{2}$.
- D. 1.

Câu 4: Năm nay Linh 8 tuổi, tuổi của Linh bằng $\frac{1}{2}$ tuổi của anh trai. Số tuổi của anh trai là:

A. 16 tuổi.

B. 15 tuổi.

C. 13 tuổi.

D. 12 tuổi.

Câu 5: Kho thứ nhất chứa 123 965 kg thóc, kho thứ hai chứa gấp ba lần số thóc của kho thứ nhất. Kho thứ hai chứa số ki-lô-gam thóc là:

A. 137 895 kg.

B. 731 895 kg.

C. 317 895 kg.

D. 371 895 kg.

Câu 6: Phân số $\frac{115}{100}$ viết dưới dạng hỗn số là:

A. $1\frac{15}{100}$.

B. $1\frac{100}{15}$.

C. $15\frac{1}{100}$.

D. $100\frac{15}{100}$.

Câu 7: Khẳng định nào sau đây là *sai*?

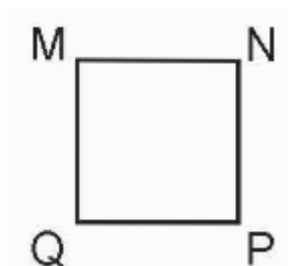
A. 7 dm 13 mm = 713 mm.

B. 15 m 25 cm = 40 cm.

C. 20 tạ 5 yến = 2 050 kg.

D. 1 giờ 32 phút = 92 phút.

Câu 8: Cho hình vuông $MNPQ$ (hình vẽ)



Khẳng định nào sau đây là *sai*?

- A. Hình vuông $MNPQ$ có 2 cặp cạnh song song với nhau.
- B. Cạnh MN vuông góc với cạnh QP .
- C. Cạnh MQ song song với cạnh NP .
- D. Giả sử cạnh $MN = 5$ dm, khi đó diện tích hình vuông là $2\,500\text{ cm}^2$.

Câu 9: Con mèo cân nặng 2 kg 400 g, con chó nặng hơn con mèo 512 g. Tổng số cân nặng của con mèo và con chó là:

- A. 5 312 kg.
- B. 2 912 kg.
- C. 5 312 g
- D. 2 912 g.

Câu 10: Tim một người khỏe mạnh bình thường mỗi phút đập khoảng 75 lần. Hỏi 20 giây tim đập khoảng mấy lần?

- A. 55 lần.
- B. 45 lần.
- C. 35 lần.
- D. 25 lần.

II. Phần tự luận

Bài 1. Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

- a) $9\text{ m} + 15\text{ cm} = \dots\text{ cm}$;
- b) $15\text{ dm} + 3\text{ mm} = \dots\text{ mm}$;
- c) $112\text{ g} + 2\text{ kg} = \dots\text{ g}$;
- d) $3\text{ tạ } 16\text{ kg} - 5\text{ yến} = \dots\text{ kg}$;
- e) $12\text{ phút } 48\text{ giây} = \dots\text{ giây}$;
- g) $1\text{ thế kỉ } 5\text{ năm} - 80\text{ năm} = \dots\text{ năm}$.

Bài 2. Tính giá trị của các biểu thức sau:

- a) $A = \frac{35}{86} + \frac{1}{2} + \frac{9}{43} - 1$;
- b) $B = \frac{141}{120} : \frac{3}{4} - \frac{96}{120} : \frac{3}{4}$;

$$c) C = \frac{225}{75} \times \frac{225}{675} - \frac{1}{3} \times \frac{1}{3};$$

$$d) D = \frac{144}{156} \times \frac{13}{144} \times 12;$$

$$e) E = \frac{2}{176} : \frac{5}{165} : \frac{75}{100}.$$

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3. Xe tải chở tổng cộng 210 bao đường và bao muối vào kho. Biết rằng số bao đường xe tải chở được là 70 bao. Hỏi số bao muối bằng bao nhiêu phần tổng số bao trong kho.



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4. Cho các phân số sau: $\frac{9}{4}; \frac{27}{25}; \frac{3}{2}; \frac{513}{500}$.

a) Viết các phân số trên thành phân số thập phân.

b) Viết các phân số thập phân (câu a) dưới dạng hỗn số.

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5. Chú Tân muốn lát kín nền một căn phòng hình chữ nhật có chiều dài $\frac{17}{4}$ m, chiều rộng $\frac{20}{17}$ m. Chú dùng các viên gạch vuông bằng nhau, một loại màu trắng và một loại màu đỏ. Biết rằng để lát 1 m^2 nền nhà cần 20 viên gạch và số gạch màu đỏ nhiều hơn gạch màu trắng 20 viên. Tính số viên gạch màu đỏ chú Tân cần dùng để lát nền căn phòng đó. (Coi diện tích mạch gạch không đáng kể).

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6. Quãng đường từ nhà Mi đến thành phố dài 45 km. Mi đi từ nhà lên thành phố, khi đi được $\frac{2}{3}$ quãng đường thì dừng lại nghỉ một lúc. Hỏi Mi phải đi tiếp bao nhiêu ki – lô – mét nữa thì đến thành phố?

Bài giải

.....

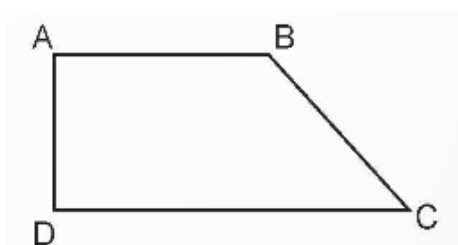
.....

.....

.....

.....

Bài 7. Cho hình sau:



- Nêu tên từng cặp cạnh song song với nhau.
- Nêu tên từng cặp cạnh vuông góc với nhau với nhau.

c) Nêu tên các góc nhọn, góc vuông, góc tù có trong hình.

.....

.....

.....

.....

.....

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (1 – 3’)

- GV dặn dò:
- Về nhà hoàn thành phiếu học tập (nếu chưa xong).
- Đọc và xem lại các dạng bài trong buổi học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN Củng Cố

ÔN TẬP SỐ THẬP PHÂN (TIẾT 10)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Ôn tập, củng cố kỹ năng nhận biết số thập phân; xác định được phần nguyên, phần thập phân của số thập phân;
- Ôn tập cách đọc, viết các số thập phân; xác định hàng của số thập phân;
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng về khái niệm số thập phân đã học vào giải quyết tình huống gắn với thực tế.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV cho HS thực hiện bài tập sau:

Câu nào đúng? Câu nào sai?

a) “Năm phẩy mười bảy” viết là 5,17.

b) $\frac{15}{10}$; $\frac{203}{100}$; $\frac{99}{1\,000}$ là các số thập phân.

c) Phân số thập phân $\frac{54}{10}$ viết ở dạng số thập phân là 5,4.

- GV nhận xét, tuyên dương, sau đó dẫn dắt vào bài ôn tập.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25')

2.1. củng cố lí thuyết

- GV nêu câu hỏi:

Cho các số thập phân sau:

9,2; 22,5; 16,1; 20,4

a) Đọc các số thập phân trên.

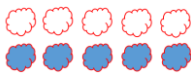

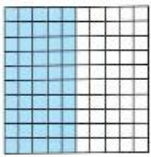
b) Trình bày cấu tạo của số thập phân.

- GV nhận xét, tuyên dương HS nhớ kiến thức.

- GV nhận xét, chuyển sang nội dung làm bài tập.

2.2. Luyện tập

Bài tập 1: Cho bảng sau:

Hình a)	Hình b)	Hình c)
		

a) Viết và đọc các số thập phân biểu diễn phần tô màu ở các hình trong bảng trên.

b) Tìm các số thập phân bằng nhau.

c) Điền phân số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

i) ...; 0,2; ...; ...; ...; 0,6; ...

ii) 3,9; ...; 3,5; ...; ...; ...; 2,7.

ii) 12,35; ...; ...; ...; ...; 12,85.

iv) ...; ...; ...; ...; 99,97; 99,98; 99,99.

- GV cho HS làm bài cá nhân.

- GV thu vở chấm 3 HS bất kì và gọi 3 HS lên bảng, mỗi bạn một phần.

- Cả lớp chú ý lắng nghe, nhận xét bài làm của bạn.

- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Bài tập 2:

a) Viết theo mẫu

Mẫu:
 $1,5 \text{ km} = 1 \frac{5}{10} \text{ km} = 1 \text{ 500 m}$

i) $1,8 \text{ kg} = ? \text{ g}$;

ii) $3,5 \text{ tấn} = ? \text{ kg}$

iii) $12,5 \text{ cm} = ? \text{ mm}$;

iv) $8,13 \text{ m} = ? \text{ mm}$;

v) $3,8 \text{ l} = ? \text{ ml}$;

vi) $50,5 \text{ l} = ? \text{ ml}$.

b) Nói.

15 g

$\frac{91}{1\ 000} \text{ l}$

3 mm

$\frac{15}{1\ 000} \text{ kg}$

91 ml

$\frac{3}{100} \text{ dm}$

27 cm

$\frac{27}{100} \text{ m}$

- GV cho HS làm bài cá nhân.

- GV mời 2 - 3 HS trình bày cách giải, cả lớp chú ý lắng nghe.

- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Bài tập 3:

a) Viết các số thập phân sau (theo mẫu):

12,504; 92,66; 877,86; 96,399

Mẫu:

Số thập phân 8,32 gồm 8 đơn vị, 3 phần mười, 2 phần trăm.

b) Nói

0 đơn vị, 0 phần mười, 8 phần trăm	9,23
2 chục, 6 đơn vị, 5 phần mười	15,901
9 đơn vị, 2 phần mười, 3 phần trăm	26,5
15 đơn vị, 9 phần mười, 1 phần nghìn	0,08

- HS làm bài cá nhân.

- GV thu vở 3 HS chấm, mời 1 - 2 HS đứng tại chỗ trình bày, cả lớp chú ý lắng nghe.

- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Bài tập 5:

a) Hoàn thành bảng sau:

Phân số	Phân số thập phân
$\frac{9}{5}$	
	$\frac{372}{100}$
	$\frac{540}{1\ 000}$
$\frac{103}{50}$	

b) Chuyển các phân số thập phân trong bảng (câu a) thành số thập phân.

- HS làm bài cá nhân.
- GV mời 2 HS có kết quả nhanh nhất lên bảng trình bày.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Bài tập 6:

Dùng dùng một cái thước dây có độ chia nhỏ nhất là 0,1cm để đo chiều dài, chiều rộng và đường chéo của một quyển vở (theo cm).



Dùng đã thu được kết quả như sau:

Chiều dài	Chiều rộng	Đường chéo
$\frac{27}{2}$ cm	$\frac{15}{2}$ cm	22,25 cm

Hãy giúp Dũng chuyển phân số biểu diễn chiều dài và chiều rộng của quyển vở thành số thập phân.

- HS thảo luận nhóm đôi.
- GV mời đại diện nhóm có kết quả nhanh nhất lên bảng trình bày.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Bài tập 7: Từ các số 1; 3; 5; 7 và dấu “,”. Có thể lập được bao nhiêu số thập phân có các chữ số khác nhau, trong đó phần nguyên gồm một chữ số lớn hơn 3 và phần thập phân có hai chữ số.

- HS thảo luận nhóm đôi.
- GV mời đại diện nhóm có kết quả nhanh nhất lên bảng trình bày.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

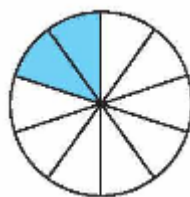
3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5’)

- Trò chơi: Tìm nhà cho thỏ.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Số thập phân nào sau đây chỉ phần *chưa* tô màu của hình dưới đây?



A. 0,2.

B. 0,8.

C. 0,4.

D. 0,6.

Câu 2: Trong các số thập phân sau đây, số nào có phần nguyên là 4?

A. 1,425.

B. 4,125.

C. 5,425.

D. 8,425.

Câu 3: Số thập phân nào sau đây có chữ số phần thập phân là 19?

A. 192,19.

B. 19,208.

C. 191,34.

D. 19,534.

Câu 4: Số thập phân 105,004 đọc là:

A. “Một trăm linh năm phẩy không không bốn”.

B. “Một trăm linh năm phẩy không bốn”.

C. “Một trăm linh năm phẩy bốn”.

D. “Một trăm linh năm phẩy mười bốn”.

Câu 5: Điền số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

$$\frac{135}{100} = \dots$$

- A. 13,5.
- B. 0,135.
- C. 135,5.
- D. 1,35.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN TƯ DUY Biểu đồ ven (tiết 7, 8)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Sau khi học học sinh có thể dùng những đường cong kín để mô tả mối quan hệ giữa các đại lượng trong bài toán. Nhờ sự mô tả này mà ta giải được bài toán 1 cách thuận lợi. Những đường cong như thế gọi là biểu đồ ven. Giúp học sinh có trí tưởng tượng phong phú và tư duy logic, biết vận dụng một cách linh hoạt khi giải toán.
- Giúp học sinh phát huy những khả năng suy luận và lập luận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng, phiếu bài tập.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

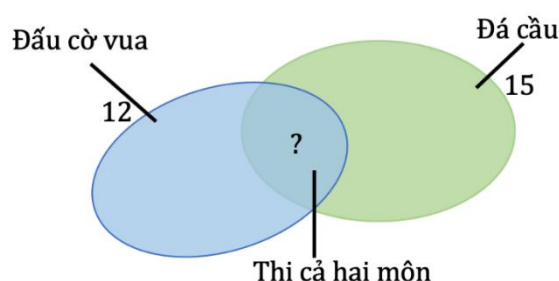
Ai thông minh hơn?

Đội tuyển thi đá cầu và đấu cờ vua của Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có 22 em, trong đó có 15 em thi đá cầu và 12 em thi đấu cờ vua. Hỏi có bao nhiêu em trong đội tuyển thi đấu cả hai môn?

- GV gợi mở và đưa tới định hướng cho học sinh.

ĐA:

GV: Cao Thị Huê



2024 – 2025

Dựa vào hình vẽ, ta thấy số em chỉ thi đá cầu là:

$$22 - 12 = 10 \text{ (em)}$$

Số em trong đội tuyển thi đấu cả hai môn là:

$$15 - 10 = 5 \text{ (em)}$$

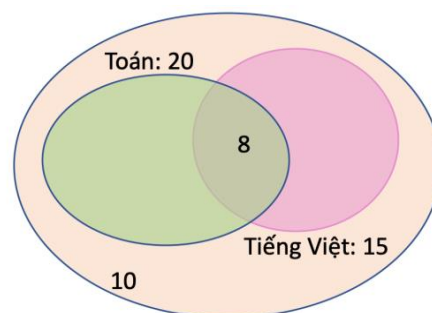
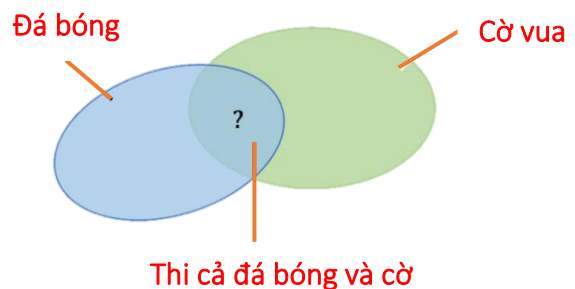
- Giáo viên chốt kiến thức và định hướng vào bài học.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (50 – 55')

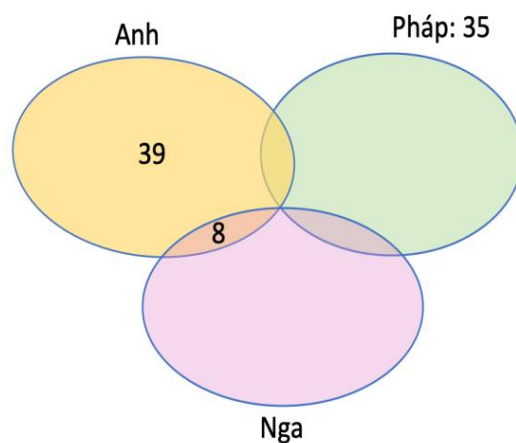
- GV yêu cầu HS đọc kĩ các bài tập (trong phiếu học tập), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1. Đội tuyển thi đá bóng và đấu cờ vua của Trường TH và THCS Newton TH có 40 em, trong đó có 18 em thi đá bóng và 25 em thi đấu cờ vua. Hỏi có bao nhiêu em trong đội tuyển thi đấu cả hai môn?

Bài 2. Lớp 5A có 15 bạn thích môn tiếng Việt, 20 bạn thích môn Toán, trong đó có 8 bạn thích cả hai môn Tiếng Việt và Toán. Trong lớp vẫn còn có 10 bạn không thích môn nào (trong hai môn Tiếng Việt và Toán). Hỏi lớp 5A có bao nhiêu bạn tất cả?



Bài 3. Trong một hội nghị có 100 đại biểu tham dự. Mỗi đại biểu nói được một hoặc hai hoặc ba thứ tiếng: Nga, Anh hoặc Pháp theo sơ đồ bên. Hỏi có bao nhiêu đại biểu chỉ nói được tiếng Nga?



Bài 4. Trong một tiệm bánh ngọt, có 30 khách hàng thích bánh ngọt nhân sầu riêng, 25 khách hàng thích bánh ngọt nhân trà xanh, trong đó 12 khách hàng thích cả 2 loại bánh. Hỏi có bao nhiêu khách hàng chỉ thích ăn bánh nhân sầu riêng?



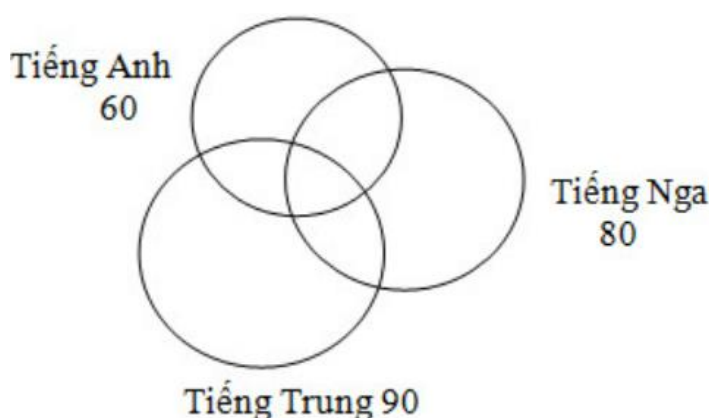
- Giáo viên tổ chức trò chơi ô cửa bí mật để chữa bài.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (8 - 10')

Học sinh cùng tham gia trò chơi: “Giải toán nhanh”

Có 200 học sinh trường chuyên ngữ tham gia dạ hội tiếng Nga, Trung và Anh. Có 60 bạn chỉ nói được tiếng Anh, 80 bạn nói được tiếng Nga, 90 bạn nói được tiếng Trung. Có 20 bạn nói được 2 thứ tiếng Nga và Trung. Hỏi có bao nhiêu bạn nói được 3 thứ tiếng?

- HS dựa vào kiến thức trong bài học giải nhanh trong 5 phút.



Số học sinh nói được tiếng Nga học tiếng Trung là:

$$200 - 60 = 140 \text{ (bạn)}$$

Số học sinh nói được 2 thứ tiếng Nga và Trung là:

$$(90 + 80) - 140 = 30 \text{ (bạn)}$$

Số học sinh nói được cả 3 thứ tiếng là:

$$30 - 20 = 10 \text{ (bạn)}$$

Đáp số: 10 bạn.

- Nhật xét và đưa ra kết quả đúng. Từ đó chốt kiến thức và nội dung bài học.
- GV nhận xét, khen ngợi HS.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

Ký duyệt của BGH**Khối trưởng ký duyệt****Người soạn****Lê Công Thắng****Cao Thị Huê****Cao Thị Huê**

